

PHỤ LỤC VI
DANH MỤC THÔNG TIN CỦA BỘ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ KẾT NỐI CHIA SẺ QUA CÔNG THÔNG TIN MỘT CỬA QUỐC GIA

Stt	Loại thông tin	Chi tiết thông tin	Hình thức cập nhật, trao đổi, chia sẻ			Thời điểm cập nhật	Bắt buộc	Mục đích sử dụng	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá	Đơn vị sử dụng	Ghi chú
	(Thông tin các Bộ, Ngành, UBND, các Tổ chức trao đổi, chia sẻ)	(Các chỉ tiêu cho từng loại thông tin)	Tự động (Tự động chia sẻ thông tin với hệ thống 1 cửa)	Truy vấn (Chức năng trên hệ thống một cửa để tìm kiếm, khai thác, kết xuất thông tin)	Cập nhật trực tiếp (Chức năng trên hệ thống 1 cửa để các Bộ/Ngành cập nhật thông tin trực tiếp)	(Quy định rõ thời điểm cập nhật, chia sẻ thông tin)	(Bắt buộc phải cung cấp, chia sẻ, cập nhật trên hệ thống 1 cửa)	(Mục đích sử dụng của các đơn vị Vụ/Cục đối với từng loại thông tin của Bộ/ Ngành/UBND và các Tổ chức)	(Cơ sở pháp lý của việc đề xuất)	(Đánh giá mức độ phù hợp về nội dung, cấp độ văn bản, kiến nghị...)	(Bộ/ Ngành được phép khai thác sử dụng) - Xem tại file Bảng mã	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
A	Thông tin về chính sách quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa XNK							nt				
A.1	Thông tin về hàng hóa XK, NK thuộc chính sách quản lý chuyên ngành							nt				
1	Thông tin hàng hóa thuộc chính sách cấm XK, NK	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/ND-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
2	Thông tin hàng hóa thuộc chính sách tạm ngừng XK, NK	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/ND-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

3	Thông tin hàng hóa thuộc chính cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu chất phóng xạ, thiết bị hạt nhân	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
4	Thông tin hàng hóa thuộc chính sách về kiểm tra chất lượng	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tiêu chuẩn kỹ thuật	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định/thừa nhận	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20

5	Hàng hóa thuộc chính sách quản lý phê duyệt	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt					1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt					1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt					1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
6	Hàng hóa thuộc chính sách quản lý chuyên ngành khác liên quan đến hàng hóa XNK (nếu có)	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; 0h hàng ngày	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt					1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt					1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nội dung quy định khác (nếu có)	x	x		nt					1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
A.2	Thông tin về quy trình thủ tục, hồ sơ phải nộp đối với hàng hóa XK, NK thuộc diện quản lý chuyên ngành										

7	Thông tin về quy trình, hồ sơ cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu chất phóng xạ, thiết bị hạt nhân	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt					1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt					1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Thành phần hồ sơ	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
8	Thông tin về quy trình, hồ sơ kiểm tra chất lượng	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 7. Cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu;	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20

		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tiêu chuẩn kỹ thuật	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định/thừa nhận	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thành phần hồ sơ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
9	Thông tin về quy trình, hồ sơ phê duyệt mẫu đối với phương tiện đo nhóm 2	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Ồ hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		(9)			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x				1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt					1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thành phần hồ sơ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
10	Thông tin về quy trình, hồ sơ kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng hàng đóng gói sẵn nhập khẩu	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Ồ hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thành phần hồ sơ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
11	Thông tin về quy trình, hồ sơ thực hiện thủ tục quản lý chuyển ngành khác	Số hiệu văn bản				Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày		B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyển ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyển ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyển ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nội dung quy định về trình tự thủ tục	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thành phần hồ sơ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thời gian thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Cơ quan có thẩm quyền thực hiện	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	

12	Thông tin về Quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu thuộc quản lý của Bộ Khoa học Công nghệ	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tái theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày hiệu lực	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Số TCVN/QCVN	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Xuất xứ hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nội dung tiêu chuẩn/quy chuẩn	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Phương pháp thử	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Thông tin khác	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
A.3	Nhóm thông tin về kết quả thực hiện thủ tục hành chính, cấp phép, kiểm tra chuyên ngành xuất nhập khẩu							nt			
13	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp được cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu chất phóng xạ, thiết bị hạt nhân	Số giấy phép	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày giấy phép	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Thời hạn hiệu lực của giấy phép	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20

		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số lượng, khối lượng hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số vận đơn	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số hóa đơn	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số hợp đồng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Cửa khẩu xuất/nhập	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số tờ khai hải quan	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
14	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp đã được cấp số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra chất lượng (đạt/không đạt)	Số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhất, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Các cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số lượng, khối lượng hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tiêu chuẩn kỹ thuật	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định/thừa nhận	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số tờ khai hải quan (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	

15	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp đã có Quyết định phê duyệt mẫu đối với hàng hóa là phương tiện do nhóm 2.	Số hiệu văn bản	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Trích yếu văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Số tờ khai hải quan (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt					1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
16	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp đã có kết quả thực hiện thủ tục công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy	Số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Cải cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Ngày đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20

		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số lượng, khối lượng hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có).	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số tờ khai hải quan (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
17	Thông tin về lô hàng/doanh nghiệp đã có kết quả thực hiện thủ tục quản lý chuyên ngành khác đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu	Số đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhất, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày đăng ký kiểm tra/kết quả kiểm tra	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số lượng, khối lượng hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có).	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số tờ khai hải quan (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Kết quả kiểm tra: đạt/không đạt	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	

18	Thông tin về lô hàng, doanh nghiệp được Bộ KHCN xác nhận thuộc diện miễn kiểm tra chuyên ngành	Tên hàng	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Các cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
19	Danh sách các mặt hàng của các doanh nghiệp được áp dụng phương thức kiểm tra giám	Tên hàng	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 6. Các cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Mã số doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Tên doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20
		Thông tin khác (nếu có)	x	x		nt		nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20

20	Thông tin về hàng hóa, doanh nghiệp thuộc đối tượng cảnh báo nguy cơ vi phạm về chất lượng của Bộ KHCN hoặc của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài hoặc của nhà sản xuất thuộc quản lý của Bộ KHCN	Số hiệu văn bản	x	x	x	X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	A. Hỗ trợ phân loại rủi ro, phân luồng, kiểm tra, giám sát trong thủ tục hải quan và hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; 5. Cải cách số 5 tại Điểm d khoản 3 Điều 1 Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	6,19B	
		Trích yếu văn bản	x	x	x	nt	x	nt			6,19B	
		Ngày ban hành văn bản	x	x	x	nt	x	nt			6,19B	
		Tên hàng	x	x	x	nt	x	nt			6,19B	
		Mã số HS	x	x	x	nt	x	nt			6,19B	
		Nhóm hàng hóa (nếu có)	x	x		nt		nt			6,19B	
		Danh mục hàng hóa	x	x	x	nt	x	nt			6,19B	
		Mã số doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			6,19B	
		Tên doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			6,19B	
		Địa chỉ doanh nghiệp	x	x	x	nt	x	nt			6,19B	
		Nước xuất xứ, đối tác xuất khẩu/nhập khẩu (nếu có)	x	x		nt		nt			6,19B	
		Nội dung cảnh báo	x	x	x	nt	x	nt			6,19B	
		Biện pháp quản lý	x	x	x	nt	x	nt			6,19B	
21	Thông tin về tổ chức đánh giá sự phù hợp/cơ sở kiểm nghiệm do Bộ quản lý ngành lĩnh vực chi định/ thừa nhận.	Số hiệu văn bản	x	x		Y. Tài theo lô dữ liệu; Oh hàng ngày	x	nt	1. Khoản 3 Điều 4 Luật Hải quan năm 2015; 2. Khoản 3 Điều 95 Luật Hải quan năm 2015; 3. Điều 107 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; 4. Điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 5. Điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 6. Điểm d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Đã có nhưng chưa chi tiết. Đề nghị đưa vào Nghị định	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20	
		Ngày văn bản	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20	
		Mã số thuế	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20	
		Tên tổ chức tổ chức đánh giá sự phù hợp/cơ sở kiểm nghiệm do Bộ quản lý ngành lĩnh vực chi định/ thừa nhận	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20	
		Địa chỉ tổ chức	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20	
		Hàng hóa được chi định/thừa nhận	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20	
22	Nhóm Thông tin về tin liên quan đến sở hữu trí tuệ, sáng chế, kiểu dáng, nhãn hiệu	Tên sáng chế	x	x		nt	x	nt				
		Kiểu dáng	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20	
		Nhãn hiệu kèm theo số văn bằng bảo hộ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20	
		Ngày cấp	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20	
		Thời hạn bảo hộ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20	

		Thông tin chủ sở hữu	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Nội dung bảo hộ	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Danh mục hàng hóa dịch vụ theo phân loại quốc tế	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thông tin các vụ tranh chấp. Khiếu kiện, khiếu nại	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Kết quả giám định về sở hữu trí tuệ.	x	x		nt	x	nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
23	Thông tin vi phạm pháp luật của tổ chức về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa		x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới		C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuần thủ biên giới; để tận dụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuần thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 27. Luật công nghệ thông tin 2006	Chưa có, đề nghị đưa vào Nghị định này.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số quyết định						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày quyết định						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Đơn vị ra quyết định						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên tổ chức						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số thuế						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Hành vi vi phạm						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng hóa						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã HS						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thuộc Tờ khai hải quan số (nếu có)						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Hình thức xử phạt (chính, bổ sung)						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số tiền xử phạt						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Biện pháp khắc phục hậu quả						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
24	Thông tin vi phạm pháp luật của cá nhân về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa							nt	Điều 27. Luật công nghệ thông tin 2006	Chưa có, đề nghị đưa vào Nghị định này.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số quyết định						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Ngày quyết định						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Đơn vị ra quyết định						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên người vi phạm						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Số CMND/CCCD/HC						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã số thuế (nếu có)						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Hành vi vi phạm						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Tên hàng hóa						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Mã HS						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Thuộc Tờ khai hải quan số (nếu có)						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	
		Hình thức xử phạt (chính, bổ sung)						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20	

		Số tiền xử phạt						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Biện pháp khắc phục hậu quả						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
25	Kết luận thanh tra, kiểm tra về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa		x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới		C. Đối với nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu, hành khách, tổ chức thương mại, đối tác chuỗi cung ứng và xu hướng tuân thủ biên giới; đề tậndụng thông tin mới và kết quả của hoạt động kiểm tra và đánh giá tuân thủ trong các phân tích rủi ro liên tục	Điều 27 Luật Công nghệ thông tin năm 2006; Điều 27 Nghị định số 07/2012/ND-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành	Chưa có, đề nghị đưa vào Nghị định này.	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số thuế/CMND/CCCD/HC						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên doanh nghiệp/cá nhân						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Số quyết định						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Ngày quyết định									1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian tiến hành thanh tra						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Nội dung thanh tra, kiểm tra						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Kết luận (Vi phạm / không vi phạm)						nt			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
26	Thông tin các dự án quan trọng quốc gia	Tên dự án	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	Điểm a, Khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2015/ND-CP	Chưa rõ ràng	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mức đầu tư của dự án	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian thực hiện dự án	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Thời gian hoàn thành dự án	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Tên chủ đầu tư	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	
		Mã số thuế	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cấp nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19, 20	

27	Thông tin các doanh nghiệp thực hiện dự án quan trọng quốc gia	Tên doanh nghiệp	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính	Điểm a, Khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2015/NĐ-CP	Chưa rõ ràng	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20	
		Mã số doanh nghiệp	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20	
		Địa chỉ	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20	
		Tên dự án	x	x		X. Thời gian thực 24/7; ngay khi có quyết định, kết luận, giấy phép/chứng nhận được cấp, thu hồi hoặc cập nhật, cảnh báo hoặc khi có thông tin mới	x	B. Tạo điều kiện cho nhà nhập khẩu, xuất khẩu và tổ chức thương mại tra cứu thông tin hướng dẫn và thực hiện các thủ tục hành chính			1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15,16, 17,18,19, 20	